TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HS-ST
Ngày: 22/11/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thụ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Lộc

2. Bà Mai Thị Tuyết Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2022, đối với bị cáo:

Trần Tuấn A (tên gọi khác: T), sinh ngày 25/5/1999; Nơi sinh: tỉnh T; Nơi cư trú: 1/25 ấp Đ, xã L, huyện C, Thành phố H; Chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ 11, ấp B, xã B, huyện C, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Con ông: Nguyễn Bình L, sinh năm: 1973; Con bà: Trần Thị H, sinh năm: 1980; Anh, chị, em: có 04 người (lớn nhất sinh năm: 1997, nhỏ nhất sinh năm: 2004); Tiền án: Bản án số 11/2021/HS-ST ngày 09/4/2021, Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 01 năm tù, về tội trộm cắp tài sản (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/12/2021, chưa chấp hành đóng án phí); Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/6/2022, chuyển tạm giam từ ngày 08/7/2022 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Út N, sinh năm 1998; Địa chỉ: Tổ 6, ấp L, xã L1, huyện C, Thành phố H (Có mặt).

2. Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1966; Địa chỉ: 2/152 ấp Đ, xã L, huyện C, Thành phố H (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Hữu K, sinh năm 2001; Địa chỉ: B69/14 Nguyễn Thị S, ấp M, xã X, huyện H1, Thành phố H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Tuấn A là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp. Khoảng 12 giờ ngày 23/6/2022, Tuấn A đi xe buýt từ xã B xuống xã L1, khi ngồi trên xe thì quan sát 02 bên đường tìm kiếm xe mô tô đậu không có người trông coi để trộm cắp. Khi đến khu vực gần vòng xoay L1, Tuấn A phát hiện bên kia đường có 01 chiếc xe mô tô kiểu Wave của anh Huỳnh Văn D, đậu sát lề đường R, Tuấn A xuống xe buýt quan sát xung quanh không thấy người trông coi, không có nhà dân, liền dùng tay bứt dây điện ổ khóa rồi nổ máy chạy về hướng xã B. Trên đường đi đến khu vực cầu L, thuộc xã A, huyện C, Tuấn A bẻ biển số, bửng xe, mở cốp lấy giấy tờ xe ném tất cả xuống sông, rồi tiếp tục điều khiển xe đi về nhà tại tổ 11, ấp B, xã B cất giấu để làm phương tiện đi lại. Với thủ đoạn tương tự, liên tiếp 02 ngày 24/6/2022 và ngày 25/6/2022, Trần Tuấn A trộm cắp 02 chiếc xe Dream đậu sát lề đường R, đoạn thuộc xã A, huyện C, rồi chạy lên huyện N bán cho người đi thu mua ve chai trên đường được 500.000 đồng mỗi chiếc, sau mỗi lần bán xe trộm cắp Tuấn A đều đi xe buýt đến khu vực công viên 23/9 mua ma túy sử dụng. Đến khoảng 15 giờ ngày 26/6/2022, Tuấn A tiếp tục đi xuống địa bàn xã L1 để trộm cắp tài sản, khi đi vào 01 con hẻm nhỏ tại khu vực tổ 6, ấp L, xã L1, thì phát hiện 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ - đen, biển số: 94E1-227.97 của anh Nguyễn Út N đang đậu trước nhà mẹ vợ anh N, còn cắm chìa khóa trên xe. Qua sát xung quanh không thấy ai, Tuấn A liền lén lút đẩy chiếc xe đi một đoạn rồi bật chìa khóa nổ máy chạy đi. Sau khi trộm cắp được Tuấn A điều khiển xe chạy đến khu vực công viên 23/9 làm quen với một người thanh niên tên Nguyễn Kha M, sinh năm: 1986, HKTT: 1/110 Ấp Đ, xã T, huyện H1, Thành phố H, nhờ M giới thiệu chỗ cầm đồ. Qua giới thiệu của M, Tuấn A đem xe đến tiệm cầm đồ Tt, tại địa chỉ: ấp M, Xã X, huyện H1 cầm cố cho anh Trần Hữu K được 3.500.000 đồng, Tuấn A cho M 500.000 đồng, rồi đi xe buýt về nhà. Khi nhờ M giới thiệu chỗ cầm xe, Tuấn A không nói nguồn gốc xe cho M biết.

Qua công tác điều tra xác minh, đến ngày 28/6/2022 Cơ quan điều tra Công an huyện C kết hợp cùng Công an xã B đến nhà mời Tuấn A lên làm việc, thì phát hiện 01 chiếc xe bị can trộm cắp ngày 23/6/2022, qua đó Tuấn A đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình, đồng thời chỉ điểm nơi cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ - đen, biển số: 94E1-227.97 do bị can trộm cắp ngày 26/6/2022.

Bản kết luận định giá tài sản số: 11/KL-HĐ ĐGTS ngày 06/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ đen, biển số 94E1-22797 có giá trị thành tiền là 7.687.500 đồng, 01 xe mô tô kiểu wave màu xanh có giá trị thành tiền là 1.000.000 đồng. Tổng giá trị thành tiền là 8.687.500 đồng.

Bản cáo trạng số: 27/CT-VKS H ngày 10 tháng 10 năm 20222 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Trần Tuấn A về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Tuấn A từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự xử lý theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trong bản Cáo trạng; nội dung phân tích, luận tội của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa, đồng thời cho rằng mình không bị oan và trong lời nói sau cùng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

- Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, kết hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, xét có đủ có sở kết luận: Trần Tuấn A là người đã có tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Để có tiền tiêu xài và sử dụng ma túy, Trần Tuấn A đã nhiều lần trộm cắp xe mô tô của người khác vào các ngày 23/6/2022, 24/6/2022, 25/6/2022, 26/6/2022. Trong đó các chiếc xe trộm cắp vào ngày 23/6/2022 có giá trị là 1.000.000 đồng, chiếc xe trộm cắp ngày 26/6/2022 có giá trị là 7.687.500 đồng, tổng giá trị là 8.687.000 đồng. Xét cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Trần Tuấn A là có căn cứ. Từ đó, đã có đủ cở sở để Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Trần Tuấn Anh đã phạm tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân mà còn gây mất tình hình trật tự tại địa phương, gây hoang mang lo lắng cho quần chúng, nhân dân.

Trong vụ án này, bị cáo có đủ nhận thức để hiểu được trộm cắp tài sản là hành vi vi phạm pháp luật và là tội phạm. Song do lười lao động nhưng muốn hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác mà bị cáo đã thực hiện hành

vi phạm tội bất chấp pháp luật. Do đó, cần áp mức dụng hình phạt tương xướng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm; đối với hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 23/6/2022 giá trị tài sản là 1.000.000đồng, tiền án là yếu tố định tôi đối với bị cáo, ngày 26/6/2022 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, giá trị qua định giá là 7.687.500đồng, do dó bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên. Đây là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì ngoài hình phạt chính còn quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy bản thân bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn, không có việc làm ổn định, nên Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ - đen, biển số 94E1-227.97.

- 01 xe mô tô (thông tin tra cứu xe có nhãn hiệu SYMEN, loại 110, màu xanh – đen, biển số: 63Y1-1663).

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Út N và ông Huỳnh Văn D là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét;

- Đối với số tiền 3.500.000 đồng mà bị cáo đã cầm cố xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius màu đỏ - đen, biển số 94E1-227.97 cho anh Trần Hữu K nay buộc bị cáo phải trả lại cho anh Trần Hữu K số tiền 3.500.000 đồng.

- Đối với số tiền 1.000.000đồng bị cáo có được từ việc bán 02 xe máy trộm cắp ngày 24/6/2022 và ngày 25/6/2022 là tiền có được từ việc phạm tội nên cần buộc bị cáo nộp lại để sung công quỹ Nhà nước.

[8] Về vấn đề khác liên quan trong vụ án: Tổng số tài sản bị cáo trộm cắp được có giá trị 8.687.500đồng (1.000.000đồng và 7.687.500đồng) nhưng trong phần kết luận của cáo trạng tại bút lục số 178 ghi nhận giá trị tài sản bị cáo trộm cắp 8.687.000đồng (1.000.000đồng và 7.687.000đồng) là có sự nhầm lẫn về đánh máy cần được Viện kiểm sát nhân dân huyện C rút kinh nghiệm.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Trần Tuấn A 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 29/6/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[2] Về tránh nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Trần Tuấn A có nghĩa vụ trả lại cho anh Trần Hữu K số tiền 3.500.000 đồng.

Buộc bị cáo Trần Tuấn A có nghĩa vụ nộp số tiền 1.000.000đồng để sung công quỹ Nhà nước.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Tuấn A phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố H. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hợp lệ.

[5] Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Công an huyện C;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Sở Tư pháp Tp H;
- Lưu HS, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thụ